TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 325/2025/HC-PT
Ngày: 26-3-2025
V/v "Khiếu kiện hành vi hành chính về tái định cư khi thu hồi đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Bà Trần Thị Thúy Hồng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 1338/2024/TLPT-HC ngày 24/12/2024 về việc: "Khiếu kiện hành vi hành chính về tái định cư khi thu hồi đất".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 446/2024/HC-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 609/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Trần Thị V, sinh năm 1954 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số F đường T, Khu phố C, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1983 (có mặt);

Địa chỉ: Số D đường số A, khu phố D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ trụ sở: Số A đường T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Hoàng T1; chức vụ:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T (có đơn đề nghị xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Trần Cảnh P; Chức vụ: Phó Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T (vắng mặt).

2. Ông Trần Quốc S; Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tiếp dân Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T (có mặt).

3. Ông Nguyễn Minh T2; Chức vụ: Trưởng phòng Nghiệp vụ 1 Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T (vắng mặt).

Người kháng cáo: Người khởi kiện - bà Trần Thị V

Kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của bà Trần Thị V, bản tự khai và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng của người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện như sau:

Căn nhà (thửa đất) của bà Trần Thị V, đã bị Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) Thành phố T giải tỏa trong Dự án xây dựng đường L và nút giao Trần N – L, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Ngày 26/05/2017 của U (nay là UBND Thành phố T) ban hành Quyết định số 2252/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông (bà) Trần Thị V có căn nhà (thửa đất) giải tỏa số nhà F, đường T, khu phố C, theo Tài liệu Bản đồ địa chính năm 2003 thuộc thửa 103, một phần thửa số 102 và đường, tờ bản đồ số 26, phường B, Quận B (đính kèm Bảng chiết tính số 22/BA ngày 27/03/2017).

Tại Điều 1 của Quyết định 2252/QĐ-UBND ngày 26/05/2017 của U (thành phố T) đã nêu rõ: *"Về tái định cư: Trường hợp không có chỗ ở nào khác thì được Nhà nước giao đất ở mới có thu tiền sử dụng đất hoặc bán nhà ở tái định cư. Giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở, giá đất ở tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định".*

Biên bản làm việc ngày 06/09/2017 tại Ban B1 (nay là Thành phố T) ghi nhận như sau:

"Về đăng ký tái định cư do bị giải tỏa căn nhà nêu trên:

Ý kiến của bà V: Tôi đã chấp hành chính sách và đã nhận tiền 70% giá trị. Tôi đề nghị được chọn nền đất số 03 Lô C2-05 Khu 50ha C - phường C, Quận B. Cam kết không thay đổi ý kiến. Tôi cam kết sẽ giao mặt bằng ngay khi có Quyết định bố trí TĐC nền đất để gia đình tôi yên tâm ổn định cuộc sống.

Ý kiến Ban Bồi thường: Sau khi kiểm tra hồ sơ có đầy đủ, đủ điều kiện để trình Hội đồng bồi thường của dự án. Ban bồi thường sẽ trình HĐ xem xét

giải quyết cho gia đình và thông báo đến gia đình. Đề nghị gia đình bổ sung CMND và HK sao y.

Ý kiến của bà V: Thống nhất ý kiến nêu trên. Sẽ bổ sung CMND và HK trong thời gian 7 ngày kể từ ngày hôm nay".

Bà V đã chọn nền tái định cư là nền đất số 03 Lô C2-05 Khu 50ha C - phường C và đã được hướng dẫn bổ sung hồ sơ cho đủ điều kiện tái định cư theo quy định và đã hoàn tất việc bổ sung giấy tờ cho B bồi thường. Tuy nhiên, đã gần 07 (bảy) năm, tính từ ngày có Biên bản làm việc ngày 06/09/2017 tại Ban B1 (nay là Thành phố T), UBND Thành phố T vẫn không ban hành Quyết định bố trí tái định cư nền đất số 03 Lô C2-05 Khu 50ha C - phường C, Quận B (nay là Thành phố T) cho bà V theo như Biên bản làm việc ngày 06/09/2017. Bà V đã nhiều lần liên hệ UBND Thành phố T, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng để yêu cầu giải quyết thì chỉ nhận được lời hứa hẹn. Và cho đến nay, bà V vẫn chưa nhận được Quyết định bố trí tái định cư nền đất số 03 Lô C2-05 Khu 50ha C - phường C, đối với Căn nhà (thửa đất) bị thu hồi, giải tỏa.

Việc UBND thành phố T không ban hành Quyết định bố trí tái định cư nền đất số 03 Lô C2-05 Khu 50ha C - phường C, Quận B (nay là Thành phố T) cho bà V theo như Biên bản làm việc ngày 06/09/2017 là hành vi trái pháp luật, đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bà V trong việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng đường L và nút giao T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Tại các buổi tiếp xúc, làm việc tiếp theo vào các ngày 13/07/2020 và ngày 25/11/2021, bà V cũng đã khẳng định lại yêu cầu của mình về việc mong muốn được bố trí tái định cư nền đất số 03 Lô C Khu Eha C phường C, Quận B (nay là Thành phố T) theo như Biên bản làm việc ngày 06/09/2017, tuy nhiên, cho đến nay UBND Thành phố T vẫn không được thực hiện (Biên bản làm việc ngày 13/07/2020 và ngày 25/11/2021).

Vì vậy, bà V khởi kiện UBND Thành phố T ra Tòa án để bảo vệ quyền lợi chính đáng cho mình.

Yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên hành vi hành chính của UBND thành phố T không ban hành Quyết định bố trí tái định cư nền đất số 03 Lô C2-05 Khu 50ha C - phường C, Quận B (nay là Thành phố T) cho bà V trong việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng đường L và nút giao Trần N- L, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo như Biên bản làm việc ngày 06/09/2017 được thể hiện bằng Thông báo số 402/TB-HĐBT ngày 10/5/2024 về nội dung kết luận của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án đầu tư xây dựng đường L và nút giao Trần N- Lương Định C là hành vi trái pháp luật.

- Buộc UBND thành phố T ban hành Quyết định bố trí tái định cư nền đất số 03 Lô C2-05 Khu 50ha C - phường C, Quận B (nay là Thành phố T) cho bà

Trần Thị V theo như Biên bản làm việc ngày 06/09/2017, do có căn nhà số: F, đường T, Khu phố C, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh), bị giải tỏa thuộc dự án đầu tư xây dựng đường L và nút giao Trần N – L, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người bị kiện - UBND Thành phố T có văn bản số 7768/UBND-BBT ngày 20/8/2024 trình bày ý kiến như sau:

Ủy ban nhân dân Thành phố T nhận được Thông báo số TLVA ngày 24/6/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh do bà Trần Thị V khởi kiện hành vi hành chính yêu cầu UBND thành phố T ban hành quyết định bố trí tái định cư nền đất số 03, diện tích 160m^2, Lộ C, khu tái định cư E, phường C, thành phố T do có nhà đất bị thu hồi thuộc dự án đầu tư xây dựng đường L và nút giao thông Trần N - L.

Sau khi kiểm tra hồ sơ, UBND thành phố T có ý kiến như sau:

1. Hồ sơ bồi thường: Phần nhà, đất diện tích 86,30m^2 tại địa chỉ: F đường T, Khu phố C, phường B, Quận B (nay là phường A, thành phố T) do bà Trần Thị V sử dụng thuộc dự án đầu tư xây dựng đường L và nút giao thông Trần N - L.

Ngày 20/8/2015, UBND phường B có Giấy xác nhận pháp lý nhà, đất số 12/UBND-XN như sau:

- Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất: Nguồn gốc đất này do Nhà nước trực tiếp quản lý. Năm 1989, Hợp tác xã N2 cho bà V thuê mặt bằng để kinh doanh (hợp đồng bị thất lạc). Đến ngày 27/3/1993, Ban N2 tiếp tục ký Hợp đồng số 18 cho bà V thuê mặt bằng với diện tích 20m^2 để kinh doanh. Ngày 03/4/1995, UBND xã A tiếp tục ký Hợp đồng số 83/HĐMB cho thuê mặt bằng kinh doanh với bà V với diện tích là 81m^2.

Năm 1999, bà V thực hiện kê khai nhà - đất theo Quyết định số 3376/QĐ-UB của UBND Thành phố H với diện tích khuôn viên 84m^2.

Theo bản vẽ hiện trạng phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận B lập ngày 18/12/2014 đã được Công chức địa chính - Xây dựng UBND phường B kiểm tra nội nghiệp ngày 10/3/2015 thì phần đất bà V đang sử dụng có diện tích 86,3m^2, chênh lệch tăng 5,3m^2 so với Hợp đồng thuê năm 1995.

Qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ và kết luận cuộc họp thẩm định ngày 03/4/2015 thì phần diện tích chênh lệch tăng 5,3m^2 nêu trên gồm 2,6m^2 thuộc đường theo Bản đồ địa chính năm 2003 và 2,7m^2 còn lại thuộc khuôn viên căn nhà 6/44 do bà V sử dụng trước năm 1993 đến nay, không tranh chấp.

- Nguồn gốc, quá trình sử dụng nhà:

Căn nhà số F T, Khu phố C, phường B do bà Trần Thị V xây dựng từ trước năm 1993 để ở và kinh doanh buôn bán. Năm 1999 bà V thực hiện kê khai nhà - đất theo Quyết định số 1376/QĐ-UB của UBND Thành phố H với diện tích xây dựng là 84m^2 (kết cấu: cột cây, mái tôn).

Theo bản vẽ hiện trạng phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận B lập ngày 18/12/2024 đã được Công chức địa chính - Xây dựng UBND phường B kiểm tra nội nghiệp ngày 10/3/2015 thì phần diện tích nhà bà V đang sử dụng có diện tích là 86,3m^2 chênh lệch tăng 5,3m^2 so với kê khai năm 1999 do đo vẽ không chính xác.

Qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ và kết luận cuộc họp thẩm định ngày 03/4/2015, thì nhà do bà V xây dựng từ trước năm 1993, đến năm 2003 có xây dựng lại (kết cấu: cột bê tông, tầng thạch cao, mái tôn) và sử dụng ổn định đến nay.

Về tranh chấp: Nhà đất hiện nay không tranh chấp, khiếu nại. Về xử lý vi phạm hành chính: chưa có quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Ngày 21/5/2017, Hội đồng bồi thường dự án lập Bằng chiếu tính số 22/BA đối với bà Trần Thị V như sau:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất:

+ Hỗ trợ đất có nguồn gốc do Nhà nước trực tiếp quản lý, sử dụng để ở và kinh doanh từ trước ngày 15/10/1993, vị trí mặt tiền đường T:

70m^2 x 59.908.000 đồng/m^2 x 40% = 2005.719.840 đồng

+ Đường theo BĐĐC năm 2002 (không bồi thường): 2,60m^2.

Bồi thường, hỗ trợ công trình xây dựng và vật kiến trúc trên đất: 151.451.176 đồng.

- Bồi thường thiệt hại về trang thiết bị và tài sản khác: 1.509.720 đồng

- Bồi thường cây trồng, hoa màu: 0 đồng

- Các khoản hỗ trợ khác: 6.000.000 đồng.

Ngày 26/5/2017, U ban hành Quyết định số 2252/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông (bà) Trần Thị V có căn nhà (thửa đất) giải tỏa số F đường T, Khu phố C, theo tài liệu Bản đồ địa chính năm 2003 thuộc thửa 103, một phần thửa số 102 và đường, tờ Bản đồ số 26, phường B, Quận B, với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ 2.164.680.736 đồng. Về tái định cư: Trường hợp không có chỗ ở nào khác thì được Nhà nước giao đất ở mới có thu tiền sử dụng đất hoặc bán nhà ở tái định cư. Giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở, giá đất ở tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất do UBND Thành phố quy định.

2. Ý kiến của UBND thành phố T:

a) Về căn cứ pháp lý: Căn cứ Luật Đất đai được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2013; Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Căn cứ Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của UBND Thành phố H về ban hành Quy

định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện Công văn số 6723/UBND-ĐTMT ngày 25/12/2012 của UBND Thành phố H về đầu tư dự án nâng cấp, mở rộng đường L kết hợp các nút giao thông An Phú và nút giao thông Trần Não/Lương Đ Của/Đại lộ vòng cung, Quận B;

Thực hiện Công văn số 1891/UBND-ĐTMT ngày 06/5/2014 của UBND Thành phố H về chấp thuận địa điểm thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để đầu tư xây dựng đường L và nút giao thông Trần N - L, Quận B;

Thực hiện Công văn số 5477/UBND-ĐTMT ngày 11/9/2015 của UBND Thành phố H về cho phép tiếp tục thực hiện dự án công trình công ích trên địa bàn Quận B;

Căn cứ Quyết định số 1316/QĐ-UBND ngày 25/3/2017 của U về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để đầu tư xây dựng đường L và nút giao thông T - L, Quận B do Ban Q làm Chủ đầu tư (Phương án số 107/PA-HĐBT do Hội đồng Bồi thường dự án lập ngày 25/3/2017).

b) Về yêu cầu của người khởi kiện: Việc bà Trần Thị V yêu cầu UBND thành phố T ban hành quyết định bố trí tái định cư nền đất số 03, diện tích 160m^2, Lô C, khu tái định cư E, phường C, thành phố T do có nhà đất bị thu hồi thuộc dự án đầu tư xây dựng đường L và nút giao thông Trần N - L, là không có cơ sở giải quyết, bởi lẽ:

Theo Giấy xác nhận pháp lý nhà, đất số 12/UBND-XN ngày 20/8/2015 của UBND phường B thì phần nhà, đất 86,3m^2 bị giải tỏa của bà Trần Thị V có nguồn gốc do Nhà nước trực tiếp quản lý. Do đó, trường hợp của bà Trần Thị V không đủ điều kiện bồi thường quy định tại Điều 5 Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 mà chỉ được hỗ trợ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 21 Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của UBND Thành phố H. Do đó, bà Trần Thị V không đủ điều kiện tái định cư mà chỉ được xem xét giải quyết theo chính sách tái định cư khi có đủ các điều kiện theo quy định, cụ thể:

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ:

"Điều 7. Bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất phi nông nghiệp không phải là đất ở của hộ gia đình, cá nhân. Việc bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với đất phi nông nghiệp không phải là đất ở của hộ gia đình, cá nhân quy định tại Điều 80 của Luật Đất đai được thực hiện theo quy định sau đây:

5. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà có nguồn gốc do lấn, chiếm, khi Nhà nước thu hồi đất nếu không có chỗ ở nào khác thì được Nhà nước giao đất ở mới có thu tiền sử dụng đất

hoặc bán nhà ở tái định cư. Giá đất ở tỉnh thu tiền sử dụng đất, giá bán nhà ở tái định cư do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định."

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 42 Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của UBND Thành phố H:

"Điều 42. Về tổ chức tái định cư

5. Việc bố trí tái định cư đối với trường hợp không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở theo quy định tại khoản 4 Điều 6 và khoản 5 Điều 7 Nghị định Số 47/2014/NĐ-CP, như sau: - Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở mà chỉ được hỗ trợ về đất theo quy định tại Điều 10 Quy định này mà số tiền hỗ trợ không đủ mua căn hộ tái định cư, nếu không có chỗ ở nào khác thì được Nhà nước giao đất ở mới có thu tiền sử dụng đất hoặc bán nhà ở tái định cư hoặc tùy theo quỹ nhà ở cho người có thu nhập thấp trên địa bàn Thành phố sẽ được giải quyết mua nhà xã hội theo quy định tại Nghị định số 188/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ".

Đồng thời, tại Văn bản số 11450/STNMT-BTTĐC ngày 06/12/2023 của Sở T4 về giải quyết hồ sơ tái định cư đối với các hộ dân có nhà, đất trong dự án đầu tư xây dựng đường L và nút giao thông Trần N - L, có nêu: Đối với các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở trước ngày 01/7/2004 mà có nguồn gốc lấn, chiếm, khi Nhà nước thu hồi chỉ được hỗ trợ về đất nên không đủ điều kiện tái định cư, nhưng do bị giải tỏa toàn bộ khi Nhà nước thu hồi đất, không còn chỗ ở nào khác nên được Ban chỉ đạo xét bán tái định cư nhằm ổn định cuộc sống. Đồng thời, do trường hợp này có diện tích giải tỏa nhỏ hơn diện tích tái định cư nền đất nên U (nay là thành phố T) lưu ý bố trí tái định cư có diện tích nền đất bố trí là nền có diện tích nhỏ nhất trong quỹ nền đất theo tiêu chuẩn quy hoạch phê duyệt và giá bán là giá theo thị trường tương ứng với thời điểm thu hồi đất. Từ những cơ sở pháp lý có trong hồ sơ bồi thường đã được dẫn chứng nêu trên, đối chiếu với các quy định pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thì không có cơ sở xem xét, giải quyết theo yêu cầu của bà V. Do đó, UBND thành phố T đề nghị Tòa án nhân dân các cấp không chấp nhận nội dung khiếu kiện của bà Trần Thị V1.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 446/2024/HC-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị V về việc yêu cầu tuyên hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố T không ban hành Quyết định bố trí tái định cư nền đất số 03 Lô C2-05 Khu 50ha C - phường C, Quận B (nay là Thành phố T) cho bà Trần Thị V trong việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng đường L và nút giao Trần N- L, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo như Biên bản làm việc ngày 06/09/2017 được thể hiện bằng Thông báo số 402/TB-HĐBT ngày 10/5/2024 về nội dung kết luận của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án đầu tư xây dựng đường L và nút giao Trần N - Lương Định C là hành vi trái pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị V về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định bố trí tái định cư nền đất số 03 Lô C2-05 Khu 50ha C - phường C, Quận B (nay là Thành phố T) cho bà Trần Thị V theo như Biên bản làm việc ngày 06/09/2017, do có căn nhà số: F, đường T, Khu phố C, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh), bị giải tỏa thuộc dự án đầu tư xây dựng đường L và nút giao Trần N – L, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/9/2024, ông Nguyễn Chí T đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện – bà Trần Thị V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm nêu trên.

Ngày 01/10/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị số 7240/QĐ-VKS-HC, kháng nghị đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 446/2024/HC-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị V, tuyên hành vi không ban hành quyết định tái bố trí tái định cư là trái pháp luật, buộc UBND thành phố T thực hiện nhiệm vụ công vụ về tái bố trí tái định cư cho bà Trần Thị V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Chí T đại diện hợp pháp của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Yêu cầu Tòa án cấp Phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

+ T3 định hành vi hành chính của UBND thành phố T không ban hành Quyết định bố trí tái định cư nền đất trong Khu tái định cư E, phường C, Quận B (nay là thành phố T) cho bà Trần Thị V là hành vi trái pháp luật.

+ Buộc UBND thành phố T ban hành Quyết định về việc bố trí tái định cư nền đất trong Khu tái định cư Eha C, phường C, Quận B (thành phố T) cho bà Trần Thị V, do bà Trần Thị V có căn nhà số: F, đường T, Khu phố C, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thành phố T, TP .) bị giải tỏa thuộc dự án đầu tư xây dựng đường L và nút giao Trần N – L, Quận B, TP . (nay là Thành phố T, TP .), theo Phương án tái định cư số 108/PATDC-HĐBT ngày 25/3/2017 của Hội đồng bồi thường dự án, được Ủy ban nhân dân Quận B phê duyệt tại Quyết định số 1317/QĐ-UBND ngày 25/3/2017, cũng đã công khai quỹ nền đất tại khu tái định cư 50ha, phường C, Quận B để giải quyết tái định cư cho dự án có 51 nền đất, diện tích nhỏ nhất là 160m^2 và lớn nhất là 256,4m^2.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có ông Trần Trần Quốc S trình bày: UBND thành phố T không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện – bà Trần Thị V, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bán án hành chính sơ thẩm.

Tại phần tranh luận:

Ông Nguyễn Chí T đại diện hợp pháp của người khởi kiện tranh luận:

Căn nhà số F đường T, Khu phố C, phường B, Quận B (nay là phường A, thành phố T) do bà Trần Thị V quản lý, sử dụng bị thu hồi giải tỏa trong dự án đầu tư xây dựng đường L và nút giao thông Trần N – Lương Định C có nguồn gốc do Nhà nước quản lý. Điều kiện tái định cư được quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về Bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất phi nông nghiệp không phải là đất ở của hộ gia đình, cá nhân.

Căn cứ khoản 5 Điều 42 Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về tổ chức tái định cư; Thông báo số 114/TB-BCĐBT, với nội dung: Thống nhất theo nội dung đề xuất tại Công văn số 441/BCĐBT ngày 09/3/2020 về giải quyết chính sách tái định cư đối với trường hợp sử dụng đất có nguồn gốc do Nhà nước trực tiếp quản lý thuộc dự án đầu tư xây dựng đường L và nút giao thông Trần N – L, Quận B (gọi tắt dự án); Chấp thuận xem xét, giải quyết tái định cư cho các trường hợp không còn chỗ ở nào khác (không đứng tên chủ sở hữu, sử dụng nhà ở, đất ở nào khác ngoài nhà ở, đất ở bị thu hồi trong dự án) trên địa bàn Thành phố H đến thời điểm Ủy ban nhân dân Quận B thực hiện thu hồi đất.

Bà Trần Thị V ngoài căn nhà bị giải tỏa, bà không còn căn nhà nào khác, đã được Ủy ban nhân dân phường B xác nhận. Ngày 13/7/2020, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T đã tiếp xúc và cho bà V chọn nền đất tái định cư số 03, Lô C, diện tích 160m^2, Khu tái định cư E, phường C, thành phố T. Như vậy, đến thời điểm này bà V đã đủ điều kiện được giải quyết bố trí tái định cư theo Phương án tái định cư Số 108/PATĐC-HĐBT ngày 25/3/2017. Đây là trường hợp được giải quyết tái định cư có điều kiện kèm theo chứ không phải không được tái định cư.

Đồng thời, ngày 06/12/2023, Sở T4 có Công văn số 11450/STNMT-BTTĐC về giải quyết bố trí tái định cư đối với các hộ dân có nhà, đất giải tỏa trong dự án đầu tư xây dựng đường L và nút giao thông Trần N – Lương Định Ch Của, có nêu:

"Tuy nhiên, căn cứ điểm b khoản 3 Mục V Phần A của Phương án tái định cư quy định: "Đối với các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở trước ngày 01/7/2004 mà có nguồn gốc lấn, chiếm, khi Nhà nước thu hồi đất nếu không còn chỗ ở nào khác thì được Nhà nước giao đất ở mới thu tiền sử dụng đất hoặc bán nhà ở tái định cư hoặc tùy theo quỹ nhà ở cho người có thu nhập thấp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh sẽ được giải quyết mua nhà ở xã hội theo quy định tại Nghị định số 188/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ", trong phương án có quỹ nền tái định cư (51 nền đất tại Khu tái định cư E, phường C, diện tích nhỏ nhất là 160m^2 và lớn nhất là 256,4m^2) có đơn giá bán thấp nhất: 13.667.000 đồng/m^2 và cao nhất: 17.357.000 đồng/m^2".

Tại Phương án tái định cư số 108/PATĐC-HĐBT ngày 25/3/2017 của Hội đồng bồi thường dự án, được Ủy ban nhân dân Quận B phê duyệt tại Quyết định số 1317/QĐ-UBND ngày 25/3/2017, cũng đã công khai quỹ nền đất tại khu tái định cư 50ha, phường C, Quận B để giải quyết tái định cư cho dự án có 51 nền đất, diện tích nhỏ nhất là 160m^2 và lớn nhất là 256,4m^2.

Ngoài ra, tại Mục II phần A của Phương án tái định cư số 108/PATĐC-HĐBT ngày 25/3/2017 xác định diện tích được chọn tối đa không quá 200m^2, không quy định diện tích tối thiểu hoặc diện tích tái định cư tương đương diện tích giải tỏa.

Mặt khác, năm 2020 Ủy ban nhân dân Quận B đã ban hành quyết định bố trí tái định cư nền đất tại Khu tái định cư Eha C cho 02 trường hợp trong dự án có nguồn gốc nhà, đất và điều kiện tái định cư tương tự như hồ sơ bồi thường của bà V, cụ thể:

- Hồ sơ của bà Phạm Thị Diên H, diện tích giải tỏa 66,6m^2 được hỗ trợ 30% đơn giá đất ở), được bố trí nền đất số 23, Lô C, diện tích 198m^2, Khu tái định cư Eha C.

Hồ sơ của ông (bà) Lê Ngọc V2 – Dương Thị N1, diện tích giải tỏa 64,7m^2, được hỗ trợ 30% đơn giá đất ở), được bố trí nền đất số 07, Lô C, diện tích 160m^2, Khu tái định cư Eha C.

Do đó, việc Ủy ban nhân dân thành phố T không ban hành quyết định bố trí tái định cư nền đất số 03, Lô C cho bà V là không đúng quy định pháp luật; không đảm bảo tính công khai, minh bạch và đảm bảo sự công bằng khi Nhà nước thực hiện thu hồi đất trong cùng một dự án.

Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị V.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện - ông Trần Quốc S trình bày:

Bà Viến đúng R không thuộc trường hợp được xem xét tái định cư. Tuy nhiên, do UBND thành phố T hỗ trợ ổn định đời sống cho người dân khi bị giải tỏa mà không còn nơi ở nào khác nên mới xem xét 01 suất căn hộ tái định cư nhưng bà V không đồng ý mà xin hỗ trợ bán cho một nền tái định cư. Bà V có 86,3m^2 bị thu hồi, do đó UBND Thành phố T từ chối bố trí tái định cư nền đất số 03 Lô C2-05 Khu 50ha C - phường C, Quận B (nay là Thành phố T) cho bà V là đúng. Bà V chỉ được xem xét thống nhất bố trí vào quỹ nền đất có diện tích 74,7m^2. Về đơn giá bán: Đơn giá bán đã được phê duyệt tại Phương án Tái định cư số 108/PATĐC-HĐBT ngày 25/3/2017 của Hội đồng bồi thường dự án đối với các nền đất trước khi điều chỉnh chi tiết tỷ lệ 1/500 tại lô C, khu tái định cư E ha, phường C là đúng. Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên toà, các thành viên Hội đồng xét xử

và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Đơn kháng cáo của người khởi kiện làm trong hạn luật định, đúng hình thức.

Về nội dung: Trên cơ sở nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất của bà V có cơ sở xác định bà V thuộc trường hợp sử dụng đất có nhà ở trước ngày 01/7/2004, có nguồn gốc lấn, chiếm. Bà V không còn chỗ ở nào khác, vào thời điểm Nhà nước thu hồi đất nên thuộc trường hợp được Nhà nước giao đất ở mới thu tiền sử dụng đất hoặc bán nhà ở tái định cư hoặc tùy theo quỹ nhà ở cho người có thu nhập thấp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà V đủ điều kiện bố trí tái định cư theo Điều 1 Quyết định 2252/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của U (nay là thành phố T). Hiện nay Phương án số 108/PA-HĐBT vẫn còn hiệu lực thi hành, nền đất này vẫn chưa bố trí cho ai và có hai trường hợp khác có điều kiện tương tự bà V cũng đã được giải quyết mua nền tái định cư.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện hợp lệ, trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Người đại diện hợp pháp của người bị kiện - UBND thành phố T, vắng mặt (có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt). Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt người bị kiện.

[3] Về đối tượng khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hành vi hành chính của UBND thành phố T không ban hành Quyết định bố trí tái định cư nền đất số 03 Lô C2-05 Khu 50ha C - phường C, Quận B (nay là Thành phố T) cho bà V trong việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất là trái pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, vụ án còn trong thời hiệu kiện theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[4] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo, kháng nghị.

[4.1] Về nguồn gốc, quá trình sử dụng nhà đất:

Căn nhà số F T, Khu phố C, phường B do bà Trần Thị V xây dựng từ trước năm 1993 để ở và kinh doanh buôn bán. Năm 1999, bà V thực hiện kê khai nhà - đất theo Quyết định số 1376/QĐ-UB của UBND Thành phố H với diện tích xây dựng là 84m^2 (kết cấu: cột cây, mái tôn). Năm 2003 có xây dựng lại (kết cấu: cột bê tông, tầng thạch cao, mái tôn) và sử dụng ổn định đến nay (Theo bản vẽ hiện

trạng phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận B lập ngày 18/12/2014 thì phần diện tích nhà bà V đang sử dụng có diện tích là 86,3m^2 chênh lệch tăng 5,3m^2 so với kê khai năm 1999 do đo vẽ không chính xác).

Khi phần nhà đất của bà Trần Thị V bị thu hồi, giải tỏa để thực hiện Dự án đường L và nút giao thông Trần N - L, Quận B theo Quyết định số 2252/QĐ-UBND thì phần diện tích đất của bà V bị thu hồi là 86,3m^2, bà V được bồi thường số tiền 2.164.680.736 đồng (giải tỏa toàn bộ diện tích nhà đất). Bà V không khiếu nại, tranh chấp về diện tích đất và đơn giá bồi thường, hỗ trợ mà chỉ yêu cầu bố trí tái định cư (bằng hình thức mua nền tái định cư).

[4.2] Xét kháng cáo của bà Trần Thị V và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh có cùng đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, thấy rằng:

[4.2.1] Tại Điều 1 của Quyết định 2252/QĐ-UBND ngày 26/05/2017 của U (thành phố T) đã nêu : *"Về tái định cư: Trường hợp không có chỗ ở nào khác thì được Nhà nước giao đất ở mới có thu tiền sử dụng đất hoặc bán nhà ở tái định cư. Giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở, giá đất ở tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định".*

[4.2.2] Bà Trần Thị V có Giấy cam kết ngày 17/4/2017, với nội dung: Ngoài căn nhà bị giải tỏa, bà không còn căn nhà nào khác, đã được Ủy ban nhân dân phường B xác nhận. Phía Ban bồi thường giải phóng mặt bằng đã có làm việc với bà V về nguyện vọng được chọn nền thể hiện tại Biên bản làm việc ngày 06/9/2017 của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng như sau: Bà V có nguyện vọng được chọn nền đất số 03, lô C khu tái định cư Eha C, phường C, Quận B; tại phần ghi ý kiến của Ban Bồi thường có nội dung: Sau khi kiểm tra hồ sơ có đầy đủ, đủ điều kiện để trình Hội đồng bồi thường của dự án. Ban bồi thường sẽ trình Hội đồng xem xét giải quyết cho gia đình và thông báo đến gia đình. Đề nghị gia đình bổ sung CMND và Hộ khẩu sao y.

[4.2.3] Xét thấy, ngày 25/3/2017, U ban hành Quyết định số 1317/QĐ-UBND phê duyệt Phương án số 108/PA-HĐBT về việc tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để đầu tư xây dựng đường L và nút giao thông Trần N - L, Quận B do Hội đồng Bồi thường dự án lập ngày 25/3/2017. Quá trình tham gia tố tụng tại Toà án UBND thành phố T xác định Phương án số 108/PA-HĐBT vẫn còn hiệu lực thi hành (chưa có Phương án mới thay thế).

[4.2.4] Tại mục Phương án số 108/PA-HĐBT về diện tích đất ở, nhà ở để bố trí tái định cư quy định:*"Diện tích đất ở, nhà ở để bố trí tái định cư là diện tích theo quy hoạch đất ở tại khu tái định cư được phê duyệt nhưng không vượt hạn mức 200m^2/hộ, những trường hợp bố trí vượt 200m^2 (nếu có) sẽ do Hội đồng bồi thường của dự án xem xét, giải quyết từng trường hợp cụ thể"; Tại mục 1, phần III về quỹ nền đất, chung cư tái định cư, đơn giá bán và nguyên tắc bố trí quy định: "Nền đất tại các lô C1-C7 (từ nền đất số 1 đến nền đất số 24), một phần lô C2-05 (từ nền đất số 1 đến nền đất số 13) và một phần lô C2-07 (từ nền*

đất số 1 đến nền đất số 8, từ nền đất số 10 đến nền đất số 15) thuộc khu dân cư 50ha, phường C, Quận B: 51 nền".

[4.2.5] Đối chiếu với quy định trên thì bà V thuộc trường hợp tái định cư theo Phương án số 108/PA-HĐBT, phù hợp với văn bản số 11450/STNMT-MTTĐC ngày 06/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố T4 gửi UBND thành phố T theo Phiếu chuyển số 535/PC-ĐT ngày 06/6/2023 của Văn phòng UBND Thành phố H chuyển Công văn số 2775/UBND-BBT ngày 22/5/2023 của UBND thành phố T về việc giải quyết bố trí tái định cư đối với các hộ dân có nhà, đất giải tỏa trong dự án đầu tư xây dựng đường L và nút giao thông Trần N - L, Quận B), có nội dung: *"Như vậy, đối với 04 trường hợp còn lại có cơ sở giải quyết tương tự theo Phương án đã duyệt do hiện nay vẫn còn quỹ nền đất để đảm bảo bố trí tái định cư cho dự án; đồng thời, giá đất ở tính tiền sử dụng đất khi nhà nước giao đất để phục vụ bố trí tái định cư được xác định trên cơ sở giá thị trường trong điều kiện bình thường và được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định, không phân biệt áp dụng đối với trường hợp đủ điều kiện bồi thường đất ở hay không điều kiện bồi thường đất ở (do các trường hợp này có diện tích giải tỏa nhỏ hơn diện tích tái định cư nền đất nên Ủy ban nhân dân Quận B (nay là thành phố T) lưu ý bố trí tái định cư có diện tích nền đất bố trí là nền có diện tích nhỏ nhất trong quy đất trong tiêu chuẩn quy hoặc phê duyệt và giá bán là theo giá thị trường tương ứng với thời điểm thu hồi đất".* Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người bị kiện cũng thừa nhận trong 04 trường hợp nêu trên thì năm 2020 Ủy ban nhân dân Quận B đã ban hành Quyết định bố trí tái định cư nền đất tại Khu tái định cư Eha C cho 02 trường hợp trong dự án có nguồn gốc nhà, đất và điều kiện tái định cư tương tự như hồ sơ bồi thường của bà V.

[4.2.6] Như vậy, việc UBND thành phố T cho rằng sau khi thành lập thành phố T trên cơ sở sáp nhập Quận B, Quận I và quận T vào năm 2021, do điều kiện quỹ đất tái định cư trên địa bàn thành phố T ngày một ít dần và pháp luật cũng không quy định bắt buộc các trường hợp thu hồi phải bố trí đất nền là bao nhiêu m^2 nên ngày 09/6/2023, UBND dân thành phố T ban hành Quyết định số 6248/QĐ - UBND về phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu dân cư C, theo bản vẽ các nền đất sẽ được điều chỉnh về diện tích nhỏ hơn diện tích trong Phương án số 108/PA-HĐBT đã được phê duyệt tại Quyết định số 1317/QĐ-UBND ngày 25/3/2017 của U, từ đó không đồng ý cho bà V được tái định cư theo Phương án số 108/PA-HĐBT đang còn hiệu lực là không phù hợp quy định pháp luật, ảnh hưởng đế quyền lợi của bà V.

[5] Từ sự phân tích từ mục [4] đến mục[4.2.6], thấy rằng yêu cầu khởi kiện của bà V yêu cầu tuyên hành vi không ban hành quyết định tái bố trí tái định cư là trái pháp luật, buộc UBND thành phố T thực hiện nhiệm vụ công vụ về tái bố trí tái định cư cho bà Trần Thị V là có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị V là chưa phù hợp qui định pháp luật. Do đó, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị V và toàn bộ nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, sửa một phần bản án sơ thẩm như đã phân tích trên.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà V không phải chịu án phí phúc thẩm. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị V và chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 446/2024/HC-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà bà Trần Thị V về việc:

2.1.1. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định bố trí tái định cư nền đất trong khu tái định cư 50ha Cái L - thành phố T cho bà Trần Thị V theo Phương án số 108/PA-HĐBT ngày 25/3/2017 của Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng về việc tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để đầu tư xây dựng đường L và nút giao thông Trần N - L, Quận B, được phê duyệt tại Quyết định số 1317/QĐ- UBND ngày 25/3/2017 của Ủy ban nhân dân Quận B.

2.1.2. Ủy ban nhân dân thành phố T có trách nhiệm ban hành Quyết định bố trí tái định cư cho bà Trần Thị V theo quy định pháp luật.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị V về việc:

- Yêu cầu tuyên hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố T không ban hành Quyết định bố trí tái định cư nền đất số 03, lô C khu tái định cư Eha C, phường C, Quận B là trái pháp luật;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định bố trí tái định cư nền đất số 03, lô C khu tái định cư Eha C, phường C, Quận B(nay là thành phố T) theo biên bản làm việc ngày 06/9/2017 với Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận B.

2.3. Án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trần Thị V không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP; HSVA; NVK.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ngọc Hoa